TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2023/HS-ST Ngày 28 - 6 - 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thúc Giang

Bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tưởng Quang D, sinh ngày 10/12/1989 tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tưởng Quang N và con bà Lê Thị Hồng T; vợ: Lê Thị Hồng T (đã ly hôn), con: chưa có; tiền án: 01 tiền án: tại Bản án số 89/2019/HSST ngày 20/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – Hà Nội, áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51, điều 65 BLHS xử phạt: D 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: không.

Quá trình hoạt động bản thân: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - Hà Nội xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày26/12/2020 phạm tội mới (phạm tội trong thời gian thử thách), Chưa được xóa; Năm 2022 bị Công an huyện Sóc Sơn - Hà Nội ra Quyết định xử phạt hành chính số 2022024 ngày 23/10/2022 về hành vi gây mất trật tự công cộng, mức phạt 400.000đ, nộp phạt ngày 16/01/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

* Bị hại: Chị Lỗ Thị X, sinh năm 1977; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Ngõ 39, thôn X, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

* Người làm chứng:

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 26/12/2020, anh Dương Văn T điều khiển xe ô tô của mình chở Tưởng Quang D và thanh niên có tên là T, rủ đi cùng đến nhà chị Lỗ Thị X để thuê xe. Tại nhà chị X ở xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, D và chị X thỏa thuận với nhau về việc D thuê xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F- 100.47 để tự lái, thời gian thuê là 06 tháng kể từ ngày 26/12/2020 đến ngày 26/6/2021, giá thuê xe là 11.000.000đ/01 tháng và được trả làm hai lần vào các ngày 11 và ngày 26 hàng tháng. D đặt cọc cho chị X số tiền là 10.000.000đ và để lại sổ hộ khẩu (bản chính) của D cho chị X giữ để làm tin. Khi thuê xe giữa chị X và D ký hợp đồng thuê xe với nhau có sự chứng kiến của anh T. Sau khi làm thủ tục và ký hợp đồng thuê xe ô tô xong, chị X đã giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F- 100.47 cùng giấy chứng nhận kiểm định, đăng ký xe ôtô (đều là bản photo copy có công chứng) của chiếc xe cho D.

Sau khi thuê xe xong, D nhờ anh T điều khiển xe ô tô còn D ngồi ghế phụ, anh T điều khiển xe ô tô của mình rồi tất cả đi về khu vực sân bay Nội Bài để đón khách. Tại đây, D đón được 01 khách thuê xe chở về khu vực Xuân Đỉnh, thành phố Hà Nội nên D đã điều khiển xe ô tô thuê được của chị X, anh T đi cùng và ngồi ở ghế phụ. Sau khi chở khách về khu vực Xuân Đỉnh, thành phố Hà Nội được tiền cước là 270.000đ, D điều khiển xe ô tô quay về khu vực sân bay Nội Bài để tiếp tục đón khách, còn anh T đi về (D chỉ biết anh T thuê trọ gần khu vực sân bay Nội Bài và làm thuê bốc vác, sau đó anh T nghỉ việc nên D không biết anh T đi đâu và làm gì). Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được anh T là ai.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày 26/12/2020, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô đã thuê của chị X đem đi bán lấy tiền nên D đã gọi điện cho bạn là Nguyễn Văn N, sinh năm 1991 là người ở cùng xã và nói dối với N là "D có chiếc xe ô tô cũ không có nhu cầu sử dụng nữa muốn bán và nhờ N xem có ai mua để giới thiệu cho D bán xe". Do trước đó, Nguyễn Văn M, sinh năm 1993, có Hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện S, thành phố Hà Nội là bạn của N có nhờ N tìm mua hộ xe ô tô cũ để sử dụng nên N điện thoại gọi cho M hỏi về việc mua xe của D thì M nói cứ bảo chủ xe đem xe đến cho M xem. Sau đó, N điện lại cho D bảo đem xe đến cho M xem thì D đồng ý và điều khiển xe ô tô đến đón N rồi cả hai đến gặp M tại một quán nước ven đường ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Tại đây D tiếp tục nói dối anh N và anh M, chiếc xe ô tô BKS: 30F-100.47 là của D không có nhu cầu muốn bán. Sau khi xem xe, anh M với D thỏa thuận, M mua chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000đ và D hẹn anh M trong vòng 30 ngày D sẽ làm thủ tục sang tên cho anh M chiếc xe ô tô đó nên anh M tin tưởng và đồng ý đặt cọc số tiền 130.000.000đ, còn lại 70.000.000đ khi nào D làm thủ tục sang tên chiếc xe ô tô cho anh M xong, khi đó anh M sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. D viết giấy đặt cọc bán chiếc xe ô tô trên cho anh M và giao chiếc xe ô tô trên cho anh M, anh M đã giao cho D số tiền 130.000.000đ. Bán xe xong D gọi taxi chở D và anh N về gần nhà anh N rồi anh N đi bộ về còn D tiếp tục thuê taxi đi chơi.

Để tránh bị chị X phát hiện đòi xe nên ngày 31/12/2020, D đã chuyển khoản thanh toán cho chị X 5.000.000đ tiền thuê xe của tháng 1/2020. Toàn bộ số tiền bán xe D một mình ăn tiêu hết.

Đến ngày 11/01/2021, đến hạn thanh toán tiền thuê xe, chị X đã liên lạc với D để đòi tiền thuê xe, D xin khất chị X cho lùi lại. Sau đó, chị X đã nhiều lần gọi điện đòi tiền D nhưng không liên lạc được với D, thấy nghi ngờ nên chị X đã đi tìm xe rồi phát hiện chiếc xe ô tô đã cho D thuê đang do người khác sử dụng nên chị X đã liên lạc với D để hỏi nhưng không liên lạc được. Thấy vậy, chị X đã làm đơn trình báo Công an xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau đó, Công an xã Thanh Xuân đã tiến hành tạm giữ chiếc xe ô tô trên để xác minh làm rõ rồi chuyển nội dung đơn tố giác về tội phạm cho Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thành phố Phúc Yên để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi chị X làm đơn trình báo Cơ quan công an thì đến ngày 15/01/2021, D đã chuyển khoản thanh toán cho chị X tiền thuê xe còn lại của tháng 01/2021 là 6.000.000đ rồi bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt chiếc xe ô tô của chị X, đồng thời D không làm thủ tục sang tên chiếc xe ô tô đã bán cho M và cũng không hoàn trả lại tiền đặt cọc cho M.

Bị cáo Tưởng Quang D trước khi phạm tội có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa, phạm tội mới trong thời gian thử thách của bán án treo.

Đối với Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M: Quá trình điều tra xác định, anh N và anh M đều không biết chiếc xe ôtô nêu trên là do D phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không xử lý đối với anh N và anh M là có căn cứ.

Ngày 25/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã Yêu cầu Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên tiến hành định giá xác định giá trị của 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F- 100.47, sản xuất năm 2016, đã qua sử dụng. Đến ngày 26/02/2021, Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên đã có Bản kết luận: 01 chiếc xe ô tô có đặc điểm nêu trên trị giá 230.000.000đ.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F-100.47. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của chị Lỗ Thị X (chị X đã nhờ chị gái ruột là chị Lỗ Thị T, SN: 1971, trú tại: Xã T, huyện M, thành phố Hà Nội đứng tên trong đăng ký xe). Ngày 14/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho chị Lỗ Thị X là có căn cứ.

- 01 Giấy thuê xe giữa chị Lỗ Thị X và Tưởng Quang D + 01 Sổ hộ khẩu số 242098633 do Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp cho Tưởng Quang D, chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy đặt cọc tiền bán chiếc xe ô tô nêu trên, anh Nguyễn Văn M xác nhận mình là người cất giữ giấy tờ trên nhưng đến nay không nhớ vị trí cất giữ, chưa tìm thấy để nộp lại cho CQĐT.

* Trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền 130.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu thêm gì khác. Bị cáo D đồng ý nhưng chưa có tiền trả cho anh M.

- Về hợp đồng thuê xe ô tô, D thuê xe của chị X từ 26/12/2020 đến 26/6/2021, với tổng số tiền thuê xe là 66.000.000đ: bị cáo D đã trả tiền thuê xe cho chị X tháng 01/2021 là 11.000.000đ; số tiền 10.000.000đ D đặt cọc khi thuê xe ô tô của chị X. Đến nay chị X với bị cáo D thống nhất, trừ vào tiền D thuê xe ô tô của tháng 02/2021; số tiền thuê xe còn lại từ tháng 03/2021 đến tháng 06/2021 bị thiệt hại theo hợp đồng là 45.000.000đ, chị X không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án này không đặt ra giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 58/CT - VKSPY ngày 31 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Tưởng Quang D về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Tưởng Quang D đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Lỗ Thị X vắng mặt tại phiên tòa quá trình điều tra trình bày:

Ngày 14/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho chị nay chị không đề nghị gì về chiếc xe trên. Về hợp đồng thuê xe ô tô, D thuê xe của chị từ 26/12/2020 đến 26/6/2021, với tổng số tiền thuê xe là 66.000.000đ: bị cáo D đã trả tiền thuê xe cho chị tháng 01/2021 là 11.000.000đ; số tiền 10.000.000đ D đặt cọc khi thuê xe ô tô của chị. Đến nay chị với bị cáo D thống nhất, trừ vào tiền D thuê xe ô tô của tháng 02/2021; số tiền thuê xe còn lại từ tháng 03/2021 đến tháng 06/2021 bị thiệt hại theo hợp đồng là 45.000.000đ, chị không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường về TNDS trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra trình bày: Sau khi xem xe mà D cần bán, anh với D thỏa thuận, anh mua chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000đ và D hẹn anh trong vòng 30 ngày D sẽ làm thủ tục sang tên cho anh chiếc xe ô tô đó nên anh tin tưởng và đồng ý đặt cọc số tiền 130.000.000đ, còn lại 70.000.000đ khi nào D làm thủ tục sang tên chiếc xe ô tô cho anh xong, khi đó anh sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. D viết giấy đặt cọc bán chiếc xe ô tô trên cho anh và giao chiếc xe ô tô trên cho anh, anh đã giao cho D số tiền 130.000.000đ. Anh không biết chiếc xe đó là tài sản do D phạm tội mà có. Anh yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền 130.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu thêm gì khác.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Tưởng Quang D; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tưởng Quang D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 3, Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, h khoản 1 điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tưởng Quang D từ 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù treo chuyển thành tù giam do phạm tội trong thời gian thử thách tại Bản án số 89 ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thành từ 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng đến 8 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/01/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 117, 127,131, 407 của Bộ luật dân sự đề nghị buộc bị cáo D phải trả lại cho anh Nguyễn Văn M số tiền 130.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Tưởng Quang D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của nhân chứng, vật chứng, của bị hại cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 26/12/2020, tại gia đình nhà chị Lỗ Thị X, sinh năm 1977, có hộ khẩu thường trú tại xã C, thành phố P, Tưởng Quang D, sinh năm 1989, có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện S, Hà Nội có hành vi thuê của chị X 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F- 100.47 để đưa đón khách. Sau khi thuê được xe, cùng ngày D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên của chị X nên D đã đến gặp và bán chiếc xe nêu trên cho anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993, có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện S, thành phố Hà Nội với giá 200.000.000đ (anh M đã đặt cọc cho D số tiền 130.000.000đ, số tiền còn lại anh M trả D sau khi D làm xong thủ tục sang tên chiếc xe trên cho anh M). Sau khi nhận tiền từ anh M, D bỏ trốn khỏi địa phương tiêu xài cá nhân hết số tiền đó, không trả lại xe ô tô cho chị X. Trị giá tài sản chiếc xe ô tô nêu trên là 230.000.000đ.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Cụ thể khoản 3 Điều 175 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác ...

……..

a)... thuê tài sản của người khác .....bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó....

……..

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm".

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 58/CT - VKSPY ngày 30 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người trưởng thành, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ bị cáo là ông Tưởng Quang N được nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - Hà Nội xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản". Đến ngày 26/12/2020 bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách, chưa được xóa nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã từng bị xét xử về tội phạm cùng loại mà không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, điều này thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung, cũng như giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt. Cần tổng hợp với hình phạt của Bản án trước để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, sơn màu trắng, BKS: 30F- 100.47. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe

ô tô trên là tài sản hợp pháp của chị Lỗ Thị X. Ngày 14/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho chị Lỗ Thị X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M: Quá trình điều tra xác định, anh N và anh M đều không biết chiếc xe ôtô nêu trên là do D phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không xử lý đối với anh N và anh M là phù hợp nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 130.000.000đ là tiền anh M đã đưa cho D để đặt cọc mua chiếc xe ôtô nêu trên, đến nay bị cáo D chưa trả lại anh M, cần buộc bị cáo D phải trả lại cho anh M số tiền 130.000.000đ là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5% x 130.000.000 đồng = 6.500.000đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tưởng Quang D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Tưởng Quang D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của Bản án số 89/2019/HSST ngày 20/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 117, 127,131, 407 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Tưởng Quang D phải trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền 130.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Tưởng Quang D phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có

quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Thúc Giang Phan Thị Nhung	**Vũ Thị Hiền**

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sơ Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Vũ Thị Hiền